

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Hậu
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cảnh
2. Ông Nguyễn Văn Sơn
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Giang, Thư ký Tòa án.
- Đại diện VKSND Khu vực 4 - Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị P, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2026, tại Phòng xét xử - Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội; Địa chỉ: Số F phố T, phường C, TP Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 487/2026/HSST, ngày 10/6/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 531/2026/QĐXX-HS, ngày 17/6/2026 đối với bị cáo:

Họ tên: Dương Anh C - Sinh ngày 21/7/2003 tại Tuyên Quang; CCCD số: 008203000110; Quốc tịch: Việt Nam; Nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã H, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Dương Văn K - Sinh năm: 1981; Con bà: Đàm Thị N - Sinh năm: 1982; Gia đình có 2 người con, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: chưa có; Theo danh chỉ bản số: 0001029, lập ngày 10/4/2026 thì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo đầu thú ngày 02/4/2025. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Số 1 - Công an thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại : Chị Nguyễn Thị Tuyết N1 - SN 1990; Địa chỉ: A - 02 chung cư H, khu phố F phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Anh C không có nghề nghiệp, biết nhiều người cần vay vốn ngân hàng và cần mở thẻ tín dụng nên đã nảy sinh ý định Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. C vào các hội nhóm trên facebook như “MỞ THẺ TÍN DỤNG VÀ KHOẢN VAY TÍN DỤNG TẠI HÀ NỘI”; “HỖ TRỢ KHOẢN VAY VÀ ĐÁO HẠN NGÂN HÀNG”; “MỞ THẺ TÍN DỤNG VAY VỐN NGÂN HÀNG HÀ NỘI”... sau đó vào bài đăng của những người muốn mở thẻ tín dụng ngân hàng, nhấn tin vào các bài viết của họ với nội dung: “nếu cần vay vốn hãy để lại thông tin, số điện thoại sẽ có người liên hệ”, người cần vay tiền hoặc cần mở thẻ sẽ để lại số điện thoại. Sau khi có thông tin, số điện thoại của người cần mở thẻ hoặc cần vay tiền ngân hàng, C chủ động liên lạc, hẹn gặp và đưa ra thông tin gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản.

Khoảng đầu tháng 03/2026, qua facebook, C đọc được bài viết của cần mở thẻ tín dụng, C nhắn tin trao đổi với chị N1, hứa hẹn, cam kết có thể giúp chị N1 mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng A2 với hạn mức từ 100 triệu đồng đến 300 triệu đồng hoặc vay vốn tín chấp với chi phí 10% trên tổng số tiền vay và thu tiền phí sau khi được ngân hàng giải ngân, chị N1 tin tưởng và hẹn gặp C.

Khoảng 10 giờ ngày 02/4/2026, tại số A đường L, phường T, Hà Nội, C gặp chị N1. Qua trao đổi, C cam kết mở thẻ tín dụng cho chị N1 với hạn mức 150 triệu đồng, C đưa ra các thông tin như: Cần chi phí để làm hồ sơ, muốn giải ngân nhanh, làm nhanh thì phải chuyển tiền trước và cần mở một tài khoản tại Ngân hàng A2. Sau đó, C sử dụng điện thoại của chị N1 để mở 01 tài khoản online số 0931157979, tại ngân hàng A3, chủ tài khoản là Nguyễn Thị Tuyết N1 và bảo chị N1 chuyển khoản 8 triệu đồng vào tài khoản mới mở này để phát sinh giao dịch thì mới đủ điều kiện để được phê duyệt cấp thẻ tín dụng. C nói trong ngày 02/4/2026 sẽ mở được thẻ. Chị N1 tin tưởng đã chuyển khoản 8 triệu đồng vào tài khoản nêu trên.

Ngay sau khi chị N1 chuyển 8 triệu đồng vào tài khoản, C lấy lý do cần làm các thao tác hoàn tất thủ tục định danh khoản vừa mở trên điện thoại của chị N1, C đã sử dụng điện thoại của chị N1 thực hiện chuyển số tiền 8 triệu đồng sang tài khoản số 0936316811 của Ngân hàng A3, chủ tài khoản “Phạm Hoa Ngọc”, Sau đó, C tiếp tục sử dụng tài khoản số 0936316811 của Ngân hàng A3, chủ tài khoản “Phạm H” để chuyển số tiền 8 triệu đồng sang tài khoản ngân hàng số 03801011635008 tại ngân hàng M của C để chiếm đoạt.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, C lấy lý do đi ra xe để lấy các giấy tờ liên quan cho chị N1 ký, rồi bỏ đi và tắt điện thoại di động.

Đến 15 giờ chiều cùng ngày, C mở điện thoại thấy chị N1 nhắn tin hỏi về việc làm thẻ tín dụng, nghĩ rằng chị N1 chưa phát hiện sự việc nên C nhắn tin bảo chị N1 muốn làm nhanh thì chuyển thêm 3 triệu đồng cho C. Chị N1 đồng ý, nhưng chị N1 không chuyển khoản mà hẹn gặp C tại số A Đ để đưa tiền mặt. Tuy nhiên, lo sợ bị chị N1 phát hiện, C nhờ bạn là chị Nguyễn Thị Vân A (sinh năm 1998; quê quán: T, T, Lạng Sơn) đến gặp chị N1 để nhận tiền. Khi Vân A gặp chị N1, chị N1 đã gọi Công an đến và cùng Vân A về Cơ quan Công an làm rõ sự việc.

Nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật, ngày 02/4/2026 Dương Anh C đã đến Công an phường T đầu thú và thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Số tiền chiếm đoạt được C đã chi tiêu hết 4 triệu đồng. Ngày 03/4/2026 C nộp lại số tiền đã chiếm đoạt, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Tuyết N1 số tiền 8 triệu đồng. Chị N1 nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự.

Vật chứng thu giữ:

Thu giữ của Dương Anh C:

- 08 triệu đồng tiền Việt Nam.

- 01 điện thoại Iphone 14 Pro màu vàng, số Imei: 358073465596646.

Dương A1 C nhận 8 triệu đồng của chị Nguyễn Thị Tuyết N1 thông qua tài khoản số 0936316811, tên chủ tài khoản Phạm Hoa N2, tại ngân hàng A3, tài khoản này Dương Anh C đang sử dụng. Quá trình điều tra xác định khoảng cuối tháng 3/2016 chị Phạm Hoa N2 có gặp C và đưa căn cước công dân cho C nhờ mở thẻ tín dụng. Do C nói chỉ mở được thẻ tại ngân hàng H1, trong khi chị N2 không muốn mở thẻ tín dụng tại ngân hàng này nên không nhờ C

nữa. Chị N2 không liên quan đến tài khoản số 0936316811, tại ngân hàng A3 và không liên quan đến hành vi phạm tội của Dương Anh C. Chị N2 không bị thiệt hại gì về tài sản.

Chị Nguyễn Thị Vân A là bạn của Dương Anh C, được C nhờ gặp chị N1 nhận số tiền 03 triệu đồng nhưng chị N1 không đưa tiền cho chị Vân A. Quá trình điều tra xác định chị Vân A không liên quan đến hành vi phạm tội của C nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Vật chứng: 01 điện thoại Iphone 14 Pro màu vàng, số Imei: 358073465596646. Chuyển Cơ quan thi hành án để giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo Dương Anh C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng số: 237/CT-VKS BTL, ngày 04/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội đã truy tố và vị đại diện công bố trước phiên tòa.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND Khu vực 4 – Hà Nội vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Dương Anh C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân người phạm tội. Vì đại diện VKSND Khu vực 4 – Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 174; Điều b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Anh C mức hình phạt tù 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 16 đến 20 tháng tính từ ngày Tòa tuyên án, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) bị cáo chiếm đoạt, không có yêu cầu về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

Về vật chứng của vụ án: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphone 14 Pro màu vàng, số Imei: 0358073465596646 **do liên quan đến hành vi phạm tội.**

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;
- Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của bị cáo và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an Thành phố H; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và truy tố bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2]. Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 02/4/2026, tại số A đường L, phường T, Hà Nội, bị cáo Dương Anh C đã dùng thủ đoạn gian dối đưa các thông tin quảng cáo trên facebook, cam kết có thể giúp chị Nguyễn Thị Tuyết N1 mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng A2 với hạn mức 150 triệu đồng. Do tin tưởng, chị Nguyễn Thị Tuyết N1 đã đưa điện thoại di động của chị N1 cho C để C chuyển khoản số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) từ tài khoản của chị N1 sang tài khoản số 03801011635008 tại ngân hàng M của C để chiếm đoạt số tiền trên sử dụng tiêu sài cá nhân. Vì vậy bản cáo trạng số: 237/CT-VKS-KV4, ngày 04/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội đã truy tố bị cáo Dương Anh C về tội về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trong khu vực, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích tư lợi. Vì vậy cần phải đưa ra một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc thường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; Bị cáo đầu thú; Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy xét cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội và cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, xét các bị cáo không có tài sản riêng, không nghề và thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với tài khoản số 0936316811, tên chủ tài khoản Phạm Hoa N2, tại ngân hàng A3, bị cáo Dương Anh C đang sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị N1. Quá trình điều tra xác định khoảng cuối tháng 3/2016 chị Phạm Hoa N2 có gặp C và đưa căn cước công dân cho C nhờ mở thẻ tín dụng. Do C nói chỉ mở được thẻ tại ngân hàng H1, trong khi chị N2 không muốn mở thẻ tín dụng tại ngân hàng này nên không nhờ C nữa. Chị N2 không liên quan đến tài khoản số 0936316811, tại ngân hàng A3 và không liên quan đến hành vi phạm tội của Dương Anh C. Chị N2 không bị thiệt hại gì về tài sản. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

Chị Nguyễn Thị Vân A là bạn của Dương Anh C, được C nhờ gặp chị N1 nhận số tiền 03 triệu đồng nhưng chị N1 không đưa tiền cho chị Vân A. Quá trình điều tra xác định chị Vân A không liên quan đến hành vi phạm tội của C nên Cơ quan điều tra không xử lý. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các Điểm b,i,s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về vật chứng của vụ án: 01 điện thoại Iphone 14 Pro màu vàng, số Imei: 0358073465596646 thu giữ của bị cáo, xét bị cáo **C** đã sử dụng vào hành vi phạm tội. Vì vậy xác định đây là vật chứng của vụ án. Nay cho tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Dương Anh C phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 174; Điểm b,i,s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo **Dương Anh C** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về **UBND xã H**, tỉnh Tuyên Quang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trả tự do ngay cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

* Về trách nhiệm dân sự: Không xét.

* Về vật chứng của vụ án: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro màu vàng, có Imei: 358073465596646 (Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy) theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 515 ngày 22/6/2026 giữa Cơ quan điều tra – **Công an Thành phố H** với Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4, thành phố Hà Nội.

3. Án phí và quyền kháng cáo:

* Về án phí: Bị cáo **Dương Anh C** phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo:

- + Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.
- + Người bị hại (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang H